

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)*

A. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Số TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quy trình nội bộ
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
1.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	QT-01
2.	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-02
3.	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	QT-03
4.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	QT-04
5.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	QT-05
6.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-06
7.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	QT-07
8.	Công bố lại đưa bến xe khách	QT-08
9.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	QT-09
10.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	QT-10
11.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	QT-11
12.	Cấp, cấp lại phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	QT-12
13.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	QT-13
14.	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	QT-14
15.	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	QT-15
16.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-16
17.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-17
18.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	QT-18

19.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	QT-19
20.	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-20
21.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-21
22.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	QT-22
23.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	QT-23
24.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	QT-24
25.	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	QT-25
26.	Chấp thuận đầu nối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	QT-26
27.	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	QT-27
28.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT-28
29.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT-29
30.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT-30
31.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT-31
32.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	QT-32
33.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	QT-33
34.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	QT-34
35.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	QT-35
36.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	QT-36
37.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	QT-37
38.	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-38
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA	
1.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	QT-39
2.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-40

3.	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	QT-41
4.	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	QT-42
5.	Thiết lập khu neo đậu	QT-43
6.	Công bố hoạt động khu neo đậu	QT-44
7.	Công bố đóng khu neo đậu	QT-45
8.	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	QT-46
9.	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	QT-47
10.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	QT-48
11.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	QT-49
12.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	QT-50
13.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	QT-51
14.	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	QT-52
15.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	QT-53
16.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	QT-54
17.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	QT-55
18.	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	QT-56
19.	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	QT-57
20.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	QT-58
21.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	QT-59
22.	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	QT-60
23.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	QT-61
24.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	QT-62
25.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	QT-63
26.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-64
27.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-65
28.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-66

29.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-67
30.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-68
31.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-69
32.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-70
33.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-71
34.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-72
35.	Xóa đăng ký phương tiện	QT-73
36.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	QT-74
37.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	QT-75
38.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT-76
39.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	QT-77
40.	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	QT-78
41.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	QT-79
III	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	QT-80
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	QT-81
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	QT-82
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	QT-83
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	QT-84
6	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	QT-85
7	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	QT-86
8	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	QT-87
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	QT-88
10	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	QT-89

11	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	QT-90
12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	QT-91
IV	LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT	
1	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	QT-92
2	Bãi bỏ đường ngang	QT-93
3	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	QT-94
4	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	QT-95
5	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	QT-96
6	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	QT-97
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	QT-98
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	QT-99
9	Thủ tục thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	QT-100
10	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	QT-101
11	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	QT-102
12	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	QT-103
V	LĨNH VỰC THUẾ	
1	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	QT-104
2	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	QT-105
3	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	QT-106
4	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	QT-107
5	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	QT-108
VI	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT-109
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	QT-110
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho	QT-111

	công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-112
5	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-113
6	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-114
7	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-115
8	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	QT-116
9	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	QT-117
VII	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư.	QT-118
2	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư.	QT-119
3	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	QT-120
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	QT-121
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. (Trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc sắp hết hạn)	QT-122
6	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	QT-123
7	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	QT-124
8	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	QT-125
9	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	QT-126

10	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	QT-127
VIII	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ	
1	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	QT-128
2	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	QT-129
3	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	QT-130
4	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	QT-131
5	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	QT-132
6	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	QT-133
7	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	QT-134
8	Thủ tục cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	QT-135
9	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	QT-136
10	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	QT-137
11	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QT-138
12	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	QT-139
13	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	QT-140
14	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	QT-141
15	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của <u>Luật Nhà ở 2023</u>	QT-142
16	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	QT-143
IX	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG	
1	Thủ tục công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QT-144
X	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-145
XI	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG	
1	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	QT-146

2	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	QT-147
XII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH	
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	QT-148
2	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	QT-149
3	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	QT-150
XIII	LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	QT-151
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	QT-152
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	QT-153
4	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	QT-154
XIV	LĨNH VỰC HÀNG HẢI	
1	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	QT-155
XV	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	
1	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	QT-156
XVII	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG	
1	Thủ tục công bố hợp chuẩn sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại Hà Nội	QT-157

B. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Số TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quy trình nội bộ
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
1.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT-01
2.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT-02
3.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT-03
4.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT-04
5.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	QT-05
6.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	QT-06
7.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	QT-07
8.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	QT-08
9.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	QT-09
10.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	QT-10
11.	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-11
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA	
1.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-12
2.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-13
3.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-14
4.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-15
5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-16
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-17

7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-18
8.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-19
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-20
10.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-21
11.	Xóa đăng ký phương tiện	QT-22
12.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	QT-23
13.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	QT-24
14.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT-25
15.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	QT-26
16.	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	QT-27
17.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	QT-28
18.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT-29
19.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT-30
20.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-31
21.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT-32
22.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-33
23.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT-34
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-35
25.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-36
26.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-37
27.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-38
28.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-39
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-40

2.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-41
3.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	QT-42
4.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-43
5.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-44
6.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-45
7.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-46
8.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT-47
9.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	QT-48
IV	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ	
1	Thủ tục công nhận Ban quản trị	QT-49
V	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-50

C. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

Số TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quy trình nội bộ
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
1.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT-01
2.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT-02
3.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT-03
4.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT-04
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA	
1.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-05
2.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-06
3.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-07
4.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-08
5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-09
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-10
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-11
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-12
9.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-13
10.	Xóa đăng ký phương tiện	QT-14